

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12 / 2024 / HS-ST
Ngày 29 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Phan Thùy Trang, ông Lê Châu Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2023/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Huỳnh Mỹ H, sinh năm 1981; nơi sinh: thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ B, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số A, khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Cao Đài; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Công Đ và bà Trần Thị C (đều đã chết); chồng là Huỳnh Hữu T, sinh năm 1975, đã ly hôn; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2011; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ hai.

Nhân thân: Ngày 29/4/2016, Huỳnh Mỹ H bị Công an thành phố C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 4.000.000 đồng về hành vi “Sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm”, đã nộp phạt xong.

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 22/9/2022 bị Ủy ban nhân dân thành phố C xử phạt vi phạm hành chính 40.000.000 đồng về hành vi “Buôn bán hàng cấm”, chưa nộp phạt.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Đức C1, sinh năm 1991; nơi cư trú: khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. Châu Ngọc T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: số F, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

3. Lê Thị Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ E, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

4. Nguyễn Minh N, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ E, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

5. Trần Thị Ánh N1, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ E, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

6. Hồ Ngọc G, sinh năm 1983; nơi cư trú: khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 40 phút ngày 13/3/2023, Tổ liên ngành đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả tỉnh An Giang trên đường tuần tra, đến khu vực tổ B, khóm B, phường C, thành phố C, phát hiện, bắt quả tang Huỳnh Mỹ H điều khiển xe mô tô biển số 65C1-142.50 chở 02 túi nhựa màu đen, chứa 500 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Jet, mục đích bán kiếm lời. Sau khi bị bắt quả tang, đến ngày 02/6/2023, H tiếp tục mua của Lê Thị Q (T2) 750 bao thuốc lá điếu nhập lậu (250 bao hiệu Hero, 250 bao hiệu Jet, 250 bao hiệu S), giá 10.625.000 đồng, mang về nhà, tổ 20, khóm V, phường C, thành phố C cất giấu để bán lại, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét, thu giữ.

Ngày 12/5/2023 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố C ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Mỹ H về tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Cáo trạng số 152/CT-VKSCĐ-HS ngày 12/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo Huỳnh Mỹ H về tội “*Buôn bán hàng cấm*”, quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, do không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền trang trải cuộc sống gia đình, bị cáo đã có hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội

L khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm e khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Mỹ H** 01 năm tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng.

Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị buộc bị cáo **H** giao nộp sung quỹ Nhà nước 100.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Tịch thu, xử lý theo luật định 1.250 bao thuốc lá điều nhập lậu (750 bao hiệu Jet, 250 bao hiệu Hero, 250 bao hiệu Scott); tịch thu sung quỹ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Lead, màu sơn đen bạc, biển số 65C1-142.50; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno6 Z 5G.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xét đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội

Lời khai nhận của bị cáo **H** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người chứng kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn điều tra, truy tố đủ căn cứ xác định vào ngày 13/3/2023 bị cáo có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 65C1-142.50 mua bán thuốc lá điều nhập lậu số lượng 1.250 bao, bị lực lượng công an bắt quả tang. Mặc dù số lượng hàng cấm 1.250 bao (dưới mức quy

định là 1.500 bao), nhưng bị cáo **H** có tiền sự bị xử phạt hành chính vào ngày 22/9/2022 về hành vi “Buôn bán hàng cấm”, bị cáo **H** chưa thi hành xong quyết định về nộp phạt, chưa được xóa thời hạn xử lý vi phạm hành chính. Do đó, hành vi của bị cáo **H** đã đủ cấu thành tội “*Buôn bán hàng cấm*” được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, điều luật quy định mức phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, là loại tội nghiêm trọng.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng hóa. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính vào ngày 29/4/2016 và ngày 22/9/2022 về hành vi “Buôn bán hàng cấm”, chưa nộp phạt, chưa được xóa tiền sự. Tiếp tục ngày 13/3/2023, bị bắt quả tang điều khiển xe mô tô biển số 65C1-142.50 chở 500 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Jet, đến ngày 02/6/2023, **H** tiếp tục mua của **Lê Thị Q (T2)** 750 bao thuốc lá điếu nhập lậu (250 bao hiệu Hero, 250 bao hiệu Jet, 250 bao hiệu Scott) mang về nhà, cất giấu để bán lại. Bị cáo chỉ vì muốn hưởng lợi mà cố ý nhiều lần vi phạm pháp luật, xem thường pháp luật, vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thực hiện hành vi phạm tội với số tiền hưởng lợi không lớn nên không áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thanh phần lao động, học lực thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về xử lý vật chứng

Quá trình buôn bán hàng cấm, bị cáo **H** thu lợi số tiền 100.000 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất hợp pháp từ việc phạm tội, nên buộc bị cáo **H** giao nộp sung quỹ Nhà nước 100.000 đồng.

Đối với 1.250 bao thuốc lá điếu nhập lậu (gồm 750 bao hiệu Jet; 250 bao hiệu Hero; 250 bao hiệu **S**) là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, xét tịch thu tiêu hủy; xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Lead, màu sơn trắng, bị cáo **H** khai nhận sử dụng vào việc phạm tội, xét tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu đen, số IMEI1: 869904054254, IMEI2: 869904054765147, đã qua sử dụng, trên máy gắn sim

mạng Vinaphone số 898402000/11281410371 không dùng vào việc buôn bán hàng cấm, không có căn cứ khác để chứng minh liên quan đến tội phạm, xét giao trả lại cho bị cáo H.

[8] Trường hợp bị cáo Huỳnh Mỹ H khai, trước đó H có mua thuốc lá điếu nhập lậu của Nguyễn Gi K để bán lại, không bị bắt quả tang; đối với Lê Thị Q không thừa nhận bán thuốc lá điếu nhập lậu cho H, ngoài lời khai của bị cáo, không tài liệu, chứng cứ khác để quy kết. Các đương sự không rõ lai lịch bán thuốc lá điếu nhập lậu cho H, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Huỳnh Mỹ H phải chịu 200.000 đồng.

[10] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Mỹ H phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”;

Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Huỳnh Mỹ H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự 2015, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Huỳnh Mỹ H giao nộp sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 100.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy thuốc lá điếu ngoại nhập lậu 1.250 bao, trong đó: 750 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Jet; 250 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Hero; 250 bao thuốc lá điếu nhập lậu hiệu Scott).

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại: Lead, màu sơn trắng (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe màu đen – bạc) biển số 65C1-142.50; số máy: JF24E0023151, số khung: RLHJF24089Y020102, đã qua sử dụng.

Giao trả cho bị cáo H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno6 Z 5G, màu đen, số IMEI1: 869904054254, IMEI2: 869904054765147, đã qua sử dụng. Trên máy gắn sim mạng Vinaphone số 898402000/11281410371.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/01/2024, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Huỳnh Mỹ H** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà